TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 716/2023/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 07 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 293/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Huyền M, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Tổ 11, đường Tr, phường L, thành phố B, tỉnh B1; địa chỉ liên hệ: 39 đường U, Phường B2, quận T, TP. Hồ Chí Minh;

Bị đơn: Ông Nguyễn H, sinh năm 1987;

Địa chỉ: 39 đường U, Phường B2, quận T, TP. Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đoàn Thị Huyền M và ông Nguyễn H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Huyền M và ông Nguyễn H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có.
- Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Bà Đoàn Thị Huyền M tự nguyện chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng được cấn trừ vào tiền tạm ứng

án phí bà M đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2022/0008979 ngày 23/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Hoàn lại cho bà M số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu nói trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND Phường B, quận T;
(Để ghi vào sổ hộ tịch đối với GCNKH số 77 cấp ngày 15/9/2016);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hải Sâm